

Đức Phật liền khoác y cầm bát, cùng chúng đệ tử đồng đi đến nhà Vũ-xá. Ngài ngồi chỗ cao hơn trước đại chúng. Vũ-xá tự tay mình bưng dọn thức ăn và sốt thức ăn vào bát Đức Phật. Khi ăn uống, rửa tay xong, ông đứng lên bạch Phật:

“Con đã tạo phước duyên này, cúi mong Đức Phật chú nguyện cho dân chúng cùng tất cả trời, người ở trong nước này luôn luôn được an lạc.”

Đức Phật chú nguyện:

“Phật tùy hỷ người. Vì trời và người mà cúng dường, dẫn dắt dân chúng trong nước. Những ai cúng thức ăn cho Phật và Tỳ-kheo Tăng, tán dương Chánh pháp, thọ nhận giáo pháp trí tuệ, phụng hành kinh giới, ta đều chú nguyện cho họ: ‘Đáng kính thì biết kính, việc đáng thờ thì biết thờ, bố thí rộng rãi, cùng thương yêu cùng khắp, có tâm từ bi thương xót, mong cho tất cả mọi người thường được phước lợi, thấy được chánh đạo’.”

Đại thần Vũ-xá vui mừng. Đức Phật lại dạy:

“Ông ở đời này tuy mắc việc quan, nhưng nhờ phước đức này, về sau chắc chắn được giải thoát. Nếu ai cúng dường trai phạn cho Phật, cùng những bậc Hiền thiện chân chính trì giới, nhờ Sa-môn chú nguyện, thì trọn đời được lợi ích.

“Lại phải nên biết, nếu muốn làm quan hay chỉ là cư sĩ, đều không nên có tâm tham, không nên có tâm xa xỉ, không nên khởi tâm kiêu mạn, không nên có tâm bạo ngược, không nên có tâm khoái lạc. Bỏ năm thứ tâm này về sau sẽ không hối hận về những lỗi lầm của mình, chết được sanh lên cõi trời, trừ bỏ tội lỗi trong nẻo ác.

Đức Phật dạy xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, ra khỏi cửa thành phía Đông. Vũ-xá gọi kẻ hầu bảo:

“Hãy gọi cửa thành này là cửa Cù-đàm<sup>1</sup>, bến đò Ngài đi qua thì gọi là bến Cù-đàm<sup>2</sup>.

Khi ấy, dân chúng có người đi thuyền lớn, có người đi thuyền nhỏ, có người đi bè tre, có người dùng bè gỗ để qua sông rất đông. Đức Phật ngồi nhập định tư duy: ‘Ngày xưa, khi ta chưa thành Phật, muốn qua đây, ta đi trên bè gỗ không biết bao nhiêu lần. Nay ta đã giải thoát rồi,

<sup>1</sup> Cù-đàm môn 瞿曇門; Pāli: Gotama-dvāra.

<sup>2</sup> Cù-đàm tân 瞿曇津; Pāli: Gotama-tittham.

không còn dùng bè gỗ ấy nữa, cũng khiến cho các đê tử được xa lìa điều ấy.’ Đức Phật xuất định, tự nói bài tụng:

*Phật là Hải Thuyền Sư,  
Pháp là cầu sang sông;  
Là cỗ xe Đại thừa,  
Độ hết thầy trời người.  
Cũng là người giải thoát,  
Sang bờ thành Phật đạo;  
Khiến tất cả đê tử,  
Giải thoát đạt Nê-hoàn.<sup>3</sup>*

Bấy giờ Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

“Tất cả hãy đi đến ấp Câu-lợi<sup>4</sup>.

Tôn giả vâng lời cùng đi. Đến nơi, ngồi dưới một gốc cây, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Tất cả hãy lắng nghe. Hãy thọ trì giới pháp thanh tịnh, nên tập trung tâm ý tư duy, nên tu tập để phát huy trí huệ. Ba điều ấy<sup>5</sup> một khi tu tập đã đầy đủ<sup>6</sup>, lại xa lìa sự cấu uế của dâm nộ si; đó gọi là chánh thức vượt qua tai họa của dục<sup>7</sup>, do vậy, bằng tự lực mà giải thoát, bằng nhất tâm mà biết rằng ‘Sự sanh đã dứt hết, hạnh thanh tịnh đã trụ vững, điều cần làm đã làm’<sup>8</sup>, do tánh Hiền thiện nên không tranh cãi với thế gian. Đã biết về thế sự, phải tự lo thân mình, nên ở nơi

<sup>3</sup>. Bài tụng hoàn toàn giống nhau với bài tụng ở No.1(2) sđd.: chỉ khác nhau một vài chữ trên cách viết nhưng nghĩa thì đồng.

<sup>4</sup>. Như No.1(2).

<sup>5</sup>. Ba điều ấy, chỉ cho Giới, định, tuệ.

<sup>6</sup>. Hán: thiên dự ký phong 禪譽既豐, không rõ nghĩa. Nhưng, tham chiếu Pāli: sīlāparibhāvito samādhī mahapphalo hoti: định được tu tập cùng với giới thì có kết quả lớn.

<sup>7</sup>. Chánh độ dục tạt 正度欲疾; có lẽ tương đương Pāli: (...) sammadeva āsavehi vimuccati seyyathidaṃ kāmāsavā bhavāsavā avijjāsavā, “chân chánh giải thoát khỏi các lậu, là dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu”.

<sup>8</sup>. Hán: dụng tận thị sanh, nhập thanh tịnh hạnh, vụ như ứng tác, nhi tri nhất tâm 用盡是生, 入清淨行, 務如應作, 而知一心. Đây là văn chuẩn khi nói về một vị chứng quả A-la-hán; tuyên bố bốn điều, văn Hán dịch ở đây chỉ có ba. Văn chuẩn Hán thường gặp như sau: tự tri sanh dĩ tận, phạm hạnh dĩ lập, sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu 自知生已盡, 梵行已立, 所作已辦, 不受後有. khīṇā jāti vusitaṃ brahmacariyaṃ kataṃ karaṇīyaṃ nāparaṃ itthattāyāti pajānāti.

vắng lặng mà tư duy bên trong, tâm ý liền sáng, ba thứ cấu nhiễm đã trừ, liền đạt được đạo, tâm không còn dong ruổi, cũng không còn tham đắm vướng mắc. Giống như vị quốc vương là chủ của muôn dân. Tỳ-kheo có năng lực tự tư duy, thấy vạn cảnh đều do tâm làm chủ.”

Đức Phật cùng Tôn giả A-nan đi đến xóm Hỷ dự<sup>9</sup> dừng chân bên cây Kiền-kỳ<sup>10</sup> gần bờ sông. Các đệ tử bèn vào thành khát thực, tắm rửa rồi trở về đảnh lễ Đức Phật và thưa:

“Nước này đang có bệnh dịch khiến nhiều người chết. Sáng nay chúng con đều nghe có các Thanh tín sĩ như: Huyền Đam, Thời Tiên, Sơ Động, Hoặc Chấn, Thục Lương, Khoái Hiền, Bá Tông, Kiêm Đốc, Đức Xứng, Tịnh Cao, cả thảy mười người đều qua đời<sup>11</sup>, những người ấy thân chết rồi thì thân thức sẽ đi về đâu?”

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Mười người ấy đã dứt bỏ thân thức tự nhiên, được sanh lên trên mười tám cõi Trời<sup>12</sup>, vào quả vị Bát hoàn, không còn sanh trở lại để thọ pháp thế gian nữa. Vả lại, những người chết trong nước này, không phải chỉ như vậy. Phật bằng thiên nhãn quan sát thấy năm trăm Thanh tín sĩ, tất cả đều như Nan-đề... đã xa lìa ba thứ cấu uế, đoạn tuyệt năm đạo<sup>13</sup>, chết đều sanh lên địa vị của Bát hoàn ở bên trên mà đạt Nê-hoàn ở đó.

“Lại có ba trăm Thanh tín sĩ, đã đoạn trừ ba kết<sup>14</sup>, không còn dâm,

<sup>9</sup> Hỷ dự 喜豫邑; Pāli: Nādikā.

<sup>10</sup> Hán: Kiền-kỳ thọ hạ 鍵祇樹下; Pāli: Gijjakāvasatha, ngôi nhà lợp ngói, hay nhà gạch.

<sup>11</sup> Trên là danh sách mười người qua đời ở Hỷ dự: Huyền Đam 玄黓, Thời Tiên 時仙, Sơ Động 初動, Hoặc Chấn 或震, Thục Lương 叔良, Khoái Hiền 快賢, Bá Tông 伯宗, Kiêm Đốc 兼篤, Đức Xứng 德稱, Tịnh Cao 淨高. Tham chiếu No.1(2) sdd.: ở Na-đà gồm mười hai người: Già-già-la, Già-lãng-già, Tỳ-già-đà, Già-ly-thâu, Giá-lâu, Bà-da-lâu, Bà-đầu-lâu, Tẩu-bà-đầu-lâu, Đà-lê-xá-nậu, Tẩu-đạt-lê-xá-đậu, Gia-thâu, Gia-thâu-đà-lâu. Xem số hiệu 1(2), cht.41.

<sup>12</sup> Chỉ mười tám tầng trời thuộc Sắc giới.

<sup>13</sup> Ngũ đạo đoạn 五道斷; đây chỉ đoạn trừ năm hạ phần kết, tức năm loại kết sử phiền não khiến tái sanh Dục giới; khi ấy được gọi là Thánh giả Bát hoàn vì không còn tái sanh Dục giới nữa. Pāli: orambhāgiya-samyojana.

<sup>14</sup> Đoạn tam kết 斷三結, đoạn trừ ba kết sử (Pāli: tiṇṇam samyojanam parikkayā): hữu thân kiến (Pāli: sakkāya-diṭṭhi), giới cấm thủ (Pāli: sīlabbataparāmāsa), nghi (Pāli: vicikicchā), chúng quả Tu-đà-hoàn hay Dự lưu.

nộ, si<sup>15</sup>, thăng lên quả vị Tần lai<sup>16</sup>, sau hạ sanh trở lại hạ giới, rồi sẽ thấy được biên vực tận cùng của sự khổ.

“Lại có năm trăm Thanh tín nữ, đều đã được bốn hỷ<sup>17</sup>, đã dứt hết ba kiết, được quả Câu cảng<sup>18</sup>, xa lìa ba cõi xấu<sup>19</sup>, sanh trong cõi trời hay nhân gian, không quá bảy lần, liền đạt được đạo quả Ứng chơn<sup>20</sup>.”

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các người nói về sự chết của những người ấy như thế là quấy rầy Ta! Nhưng Ta đã là Phật, nên không còn nhận chịu điều đó, cũng chẳng còn lo sợ. Thật là vi diệu! Sanh tử luôn có lúc.

“Phàm chư Phật xuất hiện, tuy gọi là sanh nơi thế gian, nhưng không có Phật pháp tánh vẫn vậy<sup>21</sup>. Vì sao vậy? Như Lai đã an trụ pháp tánh, cho nên không gì không biết. Đã rõ về sự sanh này, trình bày phân minh, cho nên gọi là Diệu. Do cái này có nên cái kia có, do cái này không nên cái kia không, do cái này sanh nên cái kia sanh, do cái này diệt nên cái kia diệt. Vì sao vậy?

“Vì tham dục khởi nên mới bị vô minh, duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập, duyên lục nhập có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già chết, buồn sầu, khổ bất mãn, bức bối, đưa đến toàn bộ sự khổ đau được tạo nên<sup>22</sup>. Hữu là nguồn gốc của sanh tử, nó sẽ xoay chuyển như bánh

<sup>15</sup>. Vô dâm, nộ, si 無婬怒癡, bị trấn áp không còn hoạt động chứ không phải đoạn tuyệt; (Pāli: rāgadosamohānam tanuttaṭṭh).

<sup>16</sup>. Tần lai 頻來 hay còn gọi là Nhất lai, Tu-đà-hàm (Pāli: Sakadāgāmi, Skt.: Sakṛdāgāmi), người tái sanh Dục giới một lần nữa mới nhập Niết-bàn.

<sup>17</sup>. Tứ hỷ 四喜, tức bốn Chứng tịnh, bốn Bất hoại tín, hay bốn Dự lưu chi.

<sup>18</sup>. Câu cảng 溝港 tức Dự lưu hay Tu-đà-hoàn (Pāli: Sotapanna).

<sup>19</sup>. Tam ác đạo 三惡道.

<sup>20</sup>. Ứng chơn 應真 tức A-la-hán.

<sup>21</sup>. Nguyên văn: bất Phật pháp tình hỷ 不佛法情矣. Pháp tình tức pháp tánh; Pāli: dhammatā.

<sup>22</sup>. Dụng ngữ mười hai chi duyên khởi theo bản Hán này: duyên bất minh hành 緣不明行, duyên hành thức 緣行識, danh sắc 名色, lục nhập 六入, cánh lạc 更樂, thống 痛, ái 愛, thọ 受, hữu 有, sanh 生, lão tử ưu bi khổ mạn não 老死憂悲苦慳惱, cụ túc khổ tánh tập 具足苦性習.

xe, vận hành không bao giờ ngừng. Do si vô minh<sup>23</sup> nên mới có sanh tử. Ví như khiến cho vô minh không còn dấu vết; vô dục, tức vô minh đã diệt thì hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên già chết, buồn sầu, khổ não, đưa đến toàn bộ khối khổ đau được tạo thành đều bị tiêu diệt.

“Cho nên trước đây Ta đã nói, kẻ si mê thì có sanh tử, người trí tuệ giữ đạo nên không còn sanh tử nữa. Hãy suy niệm về điều ấy, phải kiểm chế tâm mình mới không còn rơi vào đường sanh tử nữa.

“Lại nữa nếu muốn gần với đạo nên có bốn điều hoan hỷ<sup>24</sup>, phải khéo suy tư, thực hành:

“Niệm Phật, ý hoan hỷ, không xả ly<sup>25</sup>.

“Niệm Pháp, ý hoan hỷ, không xả ly.

“Niệm Chúng, ý hoan hỷ, không xả ly.

“Niệm Giới, ý hoan hỷ, không xả ly.

“Niệm về bốn điều hoan hỷ này, khiến luôn đầy đủ, tự thấy rõ, mong đạt chánh đạo, dốc cầu giải thoát, chắc chắn có thể đoạn trừ ba đường ác là địa ngục, súc sanh và quỷ thần<sup>26</sup>, dẫn đến là đạt được quả vị Câu căng, không bị đọa vào các cõi ác, chỉ còn sanh lại ở cõi trời, người không quá bảy lần, là giải thoát khỏi mọi khổ đau.”

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan đi đến nước Duy-da-ly<sup>27</sup>. Hiền giả liền vâng lời cùng đi. Đức Phật vào thành Câu-lợi-lic<sup>28</sup>, rồi dừng chân trong vườn xoài của kỹ nữ<sup>29</sup> ở ngoài thành. Nại nữ<sup>30</sup> nghe Đức Phật cùng các đệ tử từ nước Việt-kỳ đến, liền sửa soạn xe cộ, y phục, cùng năm trăm nữ đệ tử đồng ra khỏi thành, đi đến vườn xoài muốn được gặp và lễ bái. Đức Phật từ xa trông thấy năm trăm người nữ đến, liền bảo các

<sup>23</sup>. Nguyên Hán: si bất minh 癡不明.

<sup>24</sup>. Xem cht.51.

<sup>25</sup>. Hán: ý hỷ bất ly 意喜不離, cách dịch và hiểu khác của bất hoại tín, hay chứng tịnh; Pāli: avecca-pasāda.

<sup>26</sup>. Hán: quỷ thần 鬼神; đây chỉ ngạ quỷ.

<sup>27</sup>. Duy-da-ly quốc 維耶離國; No.1(2): Tỳ-xá-ly.

<sup>28</sup>. Câu-lợi-lic thành 拘利歷城; No.1(2) Câu-lợi.

<sup>29</sup>. Hán: Nại thị viên 奈氏園, khu vườn của Nại nữ; xem cht. dưới.

<sup>30</sup>. Nại nữ 奈女; No.1(2) dâm nữ Am-bà-bà-lê; Pāli: Ambapāli.

Tỳ-kheo:

“Khi thấy họ tất cả đều phải thu nhiếp tâm ý, nội quán, phải tự giữ đoạn nghiêm tâm. Những y phục cùng trang sức của họ giống như cái bình vẽ, tuy bên ngoài màu sắc đẹp đẽ, nhưng bên trong toàn chứa những thứ dơ nhớp hôi thối. Nên biết các người con gái đẹp đều là những cái bình vẽ vừa nói. Người hành đạo thì không nên để chúng mê hoặc, cho nên phải tích cực chế ngự<sup>31</sup>, tập trung tư duy<sup>32</sup> và phân biệt<sup>33</sup>. Nàng Nại nữ này đến đây cũng là để nghe ta chỉ dạy.

“Sao gọi là phải tích cực chế ngự? Là nếu pháp ác đã sanh thì phải đoạn trừ liền, tinh tấn thực hiện, tự giữ lấy tâm ý cho đoạn nghiêm. Nếu pháp ác chưa sanh thì đừng cho sanh, tinh tấn thực hiện, tự thu nhiếp tâm ý cho đoạn nghiêm. Nếu pháp lành chưa sinh thì khiến nó phát sanh, tinh tấn thực hiện, tự giữ vững tâm ý cho đoạn nghiêm. Nếu pháp lành đã sanh, lập chí đừng quên, khiến nó luôn tăng trưởng, tinh tấn thực hiện, tự giữ tâm ý mình cho đoạn nghiêm. Đó là điều phải làm. Thà bị gân cốt chặt đứt, thân thể bị tan nát, chớ đừng theo vọng tâm mà làm ác. Đó gọi là kiên quyết kiểm chế vọng tâm.

“Sao gọi là tập trung tư duy? Là quán thân trên nội thân<sup>34</sup>, quán thân trên ngoại thân; quán nội ngoại thân, tư niệm phân biệt, đoạn trừ, không xao lãng<sup>35</sup>. Hãy quán thọ trên cảm thọ bên trong<sup>36</sup>; quán thọ trên cảm thọ bên ngoài, quán thọ trên nội ngoại thọ, tư niệm phân biệt đoạn trừ, ý không xao lãng. Hãy quán tâm trên nội tâm<sup>37</sup>, quán tâm trên ngoại tâm, quán tâm trên nội ngoại tâm, tư niệm phân biệt đoạn trừ, tâm ý không xao lãng. Hãy quán pháp trên nội pháp, quán pháp trên ngoại pháp; quán pháp trên nội ngoại pháp, tư niệm phân biệt, đoạn

<sup>31</sup>. Hán: Kiện chế 健制, “mạnh mẽ mà chế ngự”; đây chỉ Bốn chánh cần hay chánh đoạn, nghị lực tu tập; Pāli: cattāro sammappadhānā.

<sup>32</sup>. Chí-duy 志惟; đây chỉ Bốn niệm xứ; Pāli: Cattāro sati-paṭṭhānāni.

<sup>33</sup>. Xem cht. dưới.

<sup>34</sup>. Hán: duy nội thân tuần thân quán 惟內身循身觀.

<sup>35</sup>. Hán: tư niệm phân biệt, đoạn, bất sử ý 思念分別斷不使意. Tham chiếu No.1(2): tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời.

<sup>36</sup>. Hán: duy nội thống tuần thống quán 惟內痛循痛觀, “quán thọ trên (nội) thọ”.

<sup>37</sup>. Hán: duy nội ý tuần ý quán 惟內意循意觀. Nhận xét, các nơi khác, về Bốn niệm xứ, chỉ quán thân mới có quán nội thân, ngoại thân và nội ngoại thân. Ba niệm xứ còn lại không phân biệt nội ngoại.

trừ, tâm ý không xao lãng. Đó gọi là chí duy.

“Sao gọi là phân biệt<sup>38</sup>? Biết trường hợp nên làm; trường hợp không nên làm. Vì tùy theo trường hợp chân chánh mà thực hành riêng biệt, đó gọi là phân biệt.

“Phàm ai có thể tích cực chế ngự, tập trung tư duy và phân biệt thì đó là người có sức mạnh, chẳng phải chỉ những tráng sĩ có thể lực dồi dào mới là người có sức mạnh. Nếu ai có thể bỏ ác theo thiện thì gọi đó là người có sức mạnh tối thượng.

“Từ khi Ta cầu quả vị Phật đến nay, đã tự chiến đấu với tâm<sup>39</sup> mình trong vô số kiếp, nhờ không nghe theo tâm tà nên nay mới đạt được quả vị Phật nơi thế gian và cũng có thể an nghỉ. Tâm ý của các người từ lâu đã ở trong chỗ bất tịnh, phải tự vươn lên, dứt sạch tâm ý ấy để thoát khỏi các khổ. Nếu thấy những người nữ đến, hãy như lời dạy của Ta.”

Bấy giờ, Nại nữ đi đến, cung kính đánh lễ Đức Phật rồi đứng qua một bên. Đức Phật hỏi:

“Hiện giờ, ý người nữ các người thế nào?”

Thưa:

“Chúng con đã thọ lãnh ơn đức lớn của Phật, được nghe giáo pháp khiến cho kẻ ngu si tỉnh ngộ, sớm tối luôn tự căn dặn lòng mình không dám có tâm tà nữa.

Đức Phật bảo Nại nữ:

“Người nào ham thích tà dâm, thì có năm điều tổn hại:

“1. Nhiều tiếng không tốt.

“2. Bị phép vua theo dõi.

“3. Ôm lòng lo sợ, có nhiều nghi ngờ.

“4. Chết bị đọa vào địa ngục.

“5. Tội trong địa ngục hết rồi phải thọ thân hình súc sanh. Tất cả điều đó do dục mà ra, hãy tự diệt trừ tâm dục.

“Người nào không tà dâm thì có năm điều làm cho phước đức tăng trưởng:

<sup>38</sup>. Hán: phân biệt 分別. Tham chiếu No.1(2) “10. Kinh Thập Thượng”: Thế nào là hai tri pháp? Biết thị xứ và phi xứ. Tham chiếu Pāli, D.iii. Sangīti-sutta: ṭhānakusalatā ca aṭṭhānakusalatā ca.

<sup>39</sup>. Hán: dữ tâm tránh 與心諍.

- “1. Được nhiều người khen ngợi.
- “2. Không sợ phép nước theo dõi.
- “3. Thân được an ổn.
- “4. Lúc chết được sanh lên trời.
- “5. Được đạo Nê-hoàn thanh tịnh.

“Do đó, tự mình cần phải nhàm chán những tai họa do dục sanh ra. Nữ nhân sanh bệnh, nguyệt kỳ bất tịnh, luôn bị gò bó, trói buộc, đánh đập, không được tự do. Nếu thọ nhận, thực hành kinh luật thì có thể đạt được đạo thanh tịnh như Phật.”

Đức Phật thuyết pháp, giảng nói nhiều pháp yếu cho Nại nữ nghe. Nàng rất vui mừng, từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ mọp, bạch Phật:

“Con muốn bày biện các thứ đồ ăn thức uống thịnh soạn, cúi mong Đức Phật cùng Thánh chúng đồng thể hiện oai thần hạ cố.”

Đức Phật im lặng nhận lời. Nại nữ liền đánh lễ rồi lui ra về. Nàng đi chưa lâu thì các tộc họ cao quý ở Duy-da-ly, có các Ly-xa<sup>40</sup>, nghe Đức Phật cùng các đệ tử đến, cách thành bảy dặm, họ liền vâng theo oai thần của vua, sửa soạn loại xe bốn màu, đi tới, muốn được yết kiến Đức Phật. Trong các Ly-xa có người cưỡi ngựa xanh, xe xanh, áo xanh, lọng xanh, cờ phướn xanh, đám quan thuộc đều dùng màu xanh. Có người cưỡi ngựa vàng, xe vàng, y vàng, lọng vàng, cờ phướn vàng, đám quan thuộc đều dùng màu vàng. Có người cưỡi ngựa đỏ, xe đỏ, áo đỏ, lọng đỏ, cờ phướn đỏ, đám quan thuộc đều dùng màu đỏ. Có người cưỡi ngựa trắng, xe trắng, y phục trắng, lọng trắng, cờ phướn trắng, đám quan thuộc đều dùng màu trắng.

Đức Phật thấy đoàn xe, ngựa cùng hàng mười vạn người chật cả đường đi đến, liền bảo các Tỳ-kheo:

“Các vị muốn thấy đám thị tùng ra vào nơi vườn của Thiên đế<sup>41</sup> trên cõi trời Đao-lợi như thế nào thì đoàn người ở đây cũng như vậy, không khác.”

Các Ly-xa đến đều xuống xe đi bộ, vào vườn xoài đánh lễ đức Phật xong thì ngồi qua một bên. Đức Phật thuyết pháp, giảng dạy, chỉ

---

<sup>40</sup>. Ly-xa 離車 No.1(2), Lệ-xa; Pāli: Licchavi, thuộc bộ tộc Vajji, một bộ tộc hùng mạnh vào thời bấy giờ ở Vesālī (Tỳ-xá-ly).

<sup>41</sup>. Thiên Đế 天帝, tức Thiên Đế Thích; Pāli: Sakka Devā Indānam.



bày pháp yếu mọi người nghe. Có một người tên là Tịnh Kỳ<sup>42</sup>, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, hướng về Đức Phật tự trình bày:

“Mỗi khi nghe công đức của Phật, to lớn vời vọi, trên trời, dưới trời không ai là không ngưỡng mộ, kính phục. Con thường ở chỗ mình, sớm tối luôn kính ngưỡng, lại được giáo hóa theo nẻo thanh tịnh, cho nên không dám không để ý đến.”

Đức Phật bảo Tịnh Kỳ:

“Những người hiền trí trong thiên hạ mới biết kính Phật. Hễ ai kính Phật liền được phước đức, khi chết đều được sanh lên cõi trời, không đọa vào đường ác.”

Bấy giờ, Tịnh Kỳ nói bài kệ khen ngợi Phật:

*Kính gặp Đấng Pháp Vương,  
Tâm chánh, đạo lược an,  
Phật là Bạc Tối Thắng,  
Danh nêu như núi Tuyết,  
Như hoa sạch, không nghi,  
Như gần hương hoan hỷ,  
Ngắm thân Ngài không chán,  
Sáng chói như trăng rằm,  
Trí Phật thật cao diệu,  
Sáng tỏa không chút bụi,  
Xin giữ giới thanh tín,  
Tự quy y Tam Tôn.*

Lúc này, trong số đông đang ngồi quanh có năm trăm vị trưởng giả đều cởi áo choàng quý giá của mình tặng cho Tịnh Kỳ. Tịnh Kỳ nhận lấy các tấm áo choàng quý giá ấy đến trước Đức Phật, bạch:

“Những vị gia chủ này nghe lời giảng nói về các pháp thiện của Đức Phật nên rất hoan hỷ, cùng nhau đem năm trăm áo choàng quý giá này dâng lên cúng dường Đức Thế Tôn, mong Ngài thương xót mà thọ nhận.”

Đức Phật nhận xong liền bảo:

“Các vị Hiền sĩ nên biết! Phật là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu, xuất hiện ở thế gian, có

<sup>42</sup>. Tịnh ký 淨暨(?).

năm pháp tự nhiên rất khó có được. Những gì là năm?

Phật xuất hiện giáo hóa khắp mọi nơi chốn, kể cả các hàng Đế Thích, Phạm vương, Sa-môn, Phạm chí, rồng, thần, đế vương; dùng trí tuệ tự nhiên, thể hiện sự chứng đắc nơi thế gian, khai mở, giảng nói đạo chân thật, lời nói đầu cũng thiện, lời nói giữa, lời nói cuối cũng đều thiện, đầy đủ ý nghĩa thiết yếu, thanh tịnh, rốt ráo. Tất cả đều được diễn đạt rõ ràng. Đó là pháp tự nhiên khó có được thứ nhất.

Phật nói kinh cho khắp mọi đối tượng, người nghe đều hoan hỷ, tin học, đọc tụng, khiến cho thân, miệng, ý được đoan nghiêm bỏ tà theo chánh. Đó là pháp tự nhiên khó có được thứ hai.

Dân chúng khắp nơi nghe kinh pháp của Phật, tâm ý được khai mở, tư duy càng sâu xa, đều đạt được trí tuệ sáng suốt. Đó là pháp tự nhiên khó có được thứ ba.

Muôn người nghe lời chỉ dạy của Phật, phần nhiều đều tôn kính, thực hiện, nhờ đấy thoát khỏi ba cõi ác, sanh nơi cõi trời, người, đạt được lợi ích lớn. Đó là pháp tự nhiên khó có được thứ tư.

Muôn người được nghe giáo pháp thâm diệu, uyên áo của Phật, hiểu được nguồn gốc, duyên cớ của sanh tử, đoạn trừ hẳn tham dục, đều được giải thoát. Hạng tinh tấn thứ nhất đạt được đạo quả Ứng chơn, hạng tinh tấn thứ nhì thì được đạo quả Bất hoàn, hạng tinh tấn thứ ba được đạo quả Tần lai, hạng tinh tấn thứ tư thì được đạo quả Câu cảng. Đó là pháp tự nhiên khó có được thứ năm.

“Phàm con người đối với Đức Phật phải có lòng nhớ tưởng đến đáp dù là cúng dường chút ít điều lành cũng đạt được phước lớn, không bao giờ là vô ích. Cho nên, này Tịnh Kỳ, hãy tự mình gắng sức học hỏi để đạt được điều ấy.”

Đức Phật nêu dạy như vậy xong, các Ly-xa từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay thưa:

“Chúng con muốn cung thỉnh Đức Phật và Thánh chúng thọ trai, nhưng Nại nữ đã thỉnh trước, mong rằng sau này chúng con sẽ được mời Đức Phật. Hiện nay chúng con có nhiều việc phải trở về, vậy chúng con xin cáo từ.”

Đức Phật dạy:

“Nên biết thời”.

Khi ấy, các Ly-xa liền cung kính đảnh lễ Đức Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi.

Nại nữ thì suốt đêm sửa soạn những món ăn đặc biệt, trang trí phòng ốc, buổi sáng sắp đặt chỗ ngồi, nằm, xong xuôi rồi đi đến bạch Đức Phật:

“Trai phạn đã dọn xong, mong Bạc Thánh biết thời.”

Đức Phật cùng các đệ tử đồng đi đến nhà Nại nữ. Ngài an tọa chỗ ngồi cao trước đại chúng, Nại nữ tự tay múc dọn, dâng cúng. Buổi thọ trai xong, Nại nữ bưng nước rửa tay rồi lấy một cái ghế nhỏ ngồi trước Đức Phật, muốn hỏi pháp.

Đức Phật dạy:

“Đời ta nhờ ưa thích bố thí, về sau không hề có oán sợ, phần nhiều được tiếng khen, tiếng lành ngày một nhiều, được mọi người kính yêu. Con người không keo kiệt, lấy nhân từ làm trí, như vậy là không bị cấu nhiễm, được an ổn, được sanh lên cõi trời, cùng được mọi an lạc với chư Thiên.”

Đức Phật vì Nại nữ thuyết giảng, chỉ dẫn pháp yếu, khiến tất cả đều hoan hỷ.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan cùng đi đến ấp Trúc-phương<sup>43</sup>, dừng chân cạnh nơi rừng cây, phía Bắc thành. Năm ấy thôn Trúc-phương bị đói kém, lúa thóc khan hiếm. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hiện nay ở đây đang lúc đói kém, việc khát thực khó khăn, các vị nên phân bố đi đến các thôn xóm của các nước Duy-da và Việt-kỳ, có thể những nơi đó lúa thóc dồi dào hơn. Hãy nghe lời chỉ dẫn và thực hiện đi.”

<sup>43</sup>. Trúc phương 竹芳; No.1(2), Trúc lâm. Trong bản Pāli, Phật từ vườn Ampāli đến làng Beluva.